

Số: 47 /2020/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2020

V/v báo cáo về ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến SXK thủy sản Việt Nam và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hiệp hội Chế biến và XK Thủy sản Việt Nam (VASEP) chân thành cảm ơn Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã luôn hỗ trợ VASEP và các doanh nghiệp thủy sản phát triển sản xuất kinh doanh, tháo gỡ các vướng mắc, cải thiện môi trường kinh doanh.

Hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra phức tạp trên toàn thế giới, ảnh hưởng đến SXK thủy sản của Việt Nam, đặc biệt dịch bệnh đã bùng phát và trở thành tâm điểm dịch bệnh tại các quốc gia như Trung Quốc, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản ... đây cũng chính là những **thị trường lớn và trọng điểm** của XK thủy sản Việt Nam. Tính đến hết tháng 3/2020, XK thủy sản của cả nước đã **giảm 10%** so với cùng kỳ năm ngoái đạt **1,6 tỷ USD**. Trong thời gian qua, Chính phủ và các Bộ Ngành đã đưa ra nhiều giải pháp chính sách, cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp (DN) bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong đó có ngành thủy sản. Tuy nhiên, một số cơ chế chính sách chưa có tính hỗ trợ thiết thực với DN thủy sản, việc thực hiện thực tế tại các địa phương còn bất cập và DN còn khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách này.

Phúc đáp Công văn số **2567/BKHĐT-PTDN** của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày **20/4/2020** về việc đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, ứng phó với dịch Covid 19, Hiệp hội đã tổng hợp các nội dung như sau:

1. Kết quả XK thủy sản Việt Nam trong 03 tháng đầu năm 2020 sang các thị trường (*Phụ lục 1 kèm theo*).
2. Tình hình SXK của các Doanh nghiệp thủy sản. (*Phụ lục 2 kèm theo*).
3. Báo cáo đánh giá tác động của các giải pháp chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch covid – 19 (*Phụ lục 3 kèm theo*)
4. Các đề xuất-kiến nghị với chính phủ và các bộ ngành (*Phụ lục 3 kèm theo*)

Hiệp hội xin báo cáo và kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm và có báo cáo lên Chính phủ các nội dung liên quan nhằm sớm có các giải pháp và chính sách hỗ trợ phù hợp để thúc đẩy SXK thủy sản trong bối cảnh hiện nay.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VPHH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI



Trương Đình Hòa

KẾT QUẢ XK THỦY SẢN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2020*(kèm công văn số 47/2020/CV-VASEP ngày 24/4/2020)*

Quý I/2020, XK thủy sản của cả nước đạt **1,62 tỷ USD, giảm gần 10%** so với cùng kỳ năm 2019. Dịch corona ảnh hưởng đến sản xuất và XK thủy sản của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm, trong đó những thị trường bị tác động giảm nhiều nhất gồm Trung Quốc (-27%), EU (-16%), Hàn Quốc (-11%) và ASEAN giảm gần 7%), trong khi XK sang các thị trường khác vẫn duy trì tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ (Nhật Bản tăng 2%, Mỹ tăng 1,2%...).

Trong nhóm 4 sản phẩm chủ lực, XK cá tra giảm mạnh nhất trên 29%, mực bạch tuộc giảm 24%, cá ngừ giảm 10% trong khi XK tôm vẫn có tăng trưởng dương 1,8%.

XK thủy sản Việt Nam, QI/2020 (triệu USD)					
Sản phẩm	QI/2020	So với QI/2019 (%)	Thị trường	QI/2020	So với QI/2019 (%)
Tôm	628,556	+1,8	Nhật Bản	313,356	+2,0
<i>trong đó: - Tôm chân trắng</i>	<i>439,517</i>	<i>+7,6</i>	Mỹ	286,680	+1,2
<i>- Tôm sú</i>	<i>124,281</i>	<i>-15,5</i>	EU (-Anh)	186,796	-16,4
Cá tra	334,061	-29,3	TQ và HK	173,766	-27,2
Cá ngừ	146,471	-10,4	Hàn Quốc	154,101	-11,0
<i>trong đó: - Cá ngừ mã HS 16</i>	<i>64,467</i>	<i>-5,7</i>	ASEAN	145,136	-11,3
<i>- Cá ngừ mã HS 03</i>	<i>82,004</i>	<i>-13,7</i>	Anh	56,513	-6,7
Cá các loại khác	351,079	-0,8	Canada	53,096	+10,2
Nhuễn thể	127,813	-21,7	Australia	45,521	+5,5
<i>trong đó: - Mực và bạch tuộc</i>	<i>107,441</i>	<i>-24,1</i>	Nga	26,406	+161,1
<i>- Nhuyễn thể hai mảnh vỏ</i>	<i>19,453</i>	<i>-3,6</i>	Các TT khác	179,883	+0,4
Cua ghẹ và Giáp xác	33,274	+33,4	TỔNG CỘNG	1.621,254	-9,7
TỔNG CỘNG	1.621,254	-9,7			

I. SẢN PHẨM XK**1. Tôm**

Quý I/2020, XK tôm đạt **628,5 triệu USD, tăng 1,8%** so với cùng kỳ năm 2019, trong đó, XK tôm chân trắng đạt 439,5 triệu USD, chiếm gần 70% và tôm sú chiếm gần 20% với 124 triệu USD, còn lại là tôm biển các loại với 65 triệu USD, chiếm 10%.

XK sang thị trường Trung Quốc, EU và ASEAN bị tác động giảm bởi dịch Covid, trong đó sang Trung Quốc giảm mạnh nhất 27%, sang ASEAN giảm 10% và sang EU giảm 4%. Trong khi đó, XK sang Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, Canada và Australia vẫn giữ được tăng trưởng dương lần lượt là 8%, 18%, 5%, 25% và 22%. Hầu hết các thị trường đều tăng mạnh NK tôm trong tháng 2 có thể là một sự chuẩn bị dự trữ trong bối cảnh dịch covid, trong khi NK trong tháng 3 chững lại vì covid lây lan mạnh ảnh hưởng đến giao thương với các thị trường. Trong tháng 3, XK sang Hàn Quốc giảm 6,3%, sang Nhật Bản giảm 1,7%, sang EU giảm 16%, sang Trung Quốc giảm gần 6%, trong khi XK sang Mỹ, Canada, Anh và Australia giữ được tăng trưởng dương 11,5%, 38,7%, 13,6% và 20,7%.

Dịch corona bùng phát đã tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất và thương mại tôm toàn cầu, khiến nguồn cung dư và giá thấp. Virus corona xuất hiện đầu tiên tại Trung Quốc, sau đó lan sang Châu Âu vào đúng mùa tiêu thụ tôm mạnh nhất trong năm. Cho tới nay, dịch bệnh

này đã và đang tiếp tục ảnh hưởng rõ rệt hơn tới hoạt động nuôi trồng, thương mại tôm của một số thị trường nguồn cung lớn trên thế giới như: Ecuador, Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan... và cả Việt Nam. Dịch corona lan nhanh từ Trung Quốc sang châu Âu, Mỹ và hầu hết các quốc gia Mỹ Latinh, tác động tiêu cực tới lĩnh vực NK thủy, hải sản, trong đó có tôm.

Virus corona đang lan nhanh tại Mỹ, nơi 50% lượng tôm được tiêu thụ tại các kênh dịch vụ ẩm thực, trong khi tỷ lệ này ở châu Âu là 20%- 30%. Lượng đơn đặt hàng giảm sút nửa đầu năm sẽ ảnh hưởng đến giá tôm vào nửa cuối năm. Hoạt động nuôi tôm tại Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam và phần còn lại của Đông Nam Á sẽ bị thu hẹp do Covid-19.

Doanh nghiệp XKtôm Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những tác động không nhỏ do dịch bệnh Covid-19 gây ra như bị hoãn, thậm chí bị hủy đơn hàng, nhu cầu NK từ các thị trường giảm trong khi vẫn phải duy trì việc làm cho công nhân và thanh toán nhiều khoản thuế, chi phí đầu vào...

Tuy nhiên, doanh nghiệp đang nỗ lực tìm cách vượt qua khó khăn như đa dạng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh bán hàng cho các kênh siêu thị, giao hàng tại nhà, chế biến sâu để bán cho phân khúc bán lẻ thay cho phân khúc dịch vụ thực phẩm đang sụt giảm mạnh.

Tại thị trường trong nước, hiện nguồn cung tôm thẻ chân trắng không nhiều nên giá tôm thẻ chân trắng chưa bị ảnh hưởng nhiều nhưng tôm sú thì đã giảm giá do thị trường tiêu thụ chính là Trung Quốc, nơi bị tác động lớn của dịch Covid-19.

Hiện nay nguyên liệu tôm bị thiếu, DN không mua được tôm nguyên liệu với giá mong muốn và tình trạng thiếu nguyên liệu có thể trầm trọng hơn sau 2 tháng do diện tích nuôi giảm.

Diện tích thả nuôi tôm giảm vì tình hình lây lan covid-19 khiến tiêu thụ trên thế giới giảm sút, giá NK giảm theo ảnh hưởng đến hiệu quả nuôi. Một nguyên nhân khác gây chùn tay thả nuôi tôm là tình hình các ao nuôi đã thả giống đang bị virus đốm trắng tấn công mạnh, tình trạng này kéo dài nhiều tuần, khiến ngoài người nuôi mang tôm non và tôm cỡ nhỏ đi bán cho các cơ sở chuyên mua, chế biến tôm cỡ nhỏ (100-250 con mỗi kg) cho Trung Quốc.

1.2. Cá tra

Tiếp đà sụt giảm từ năm 2019, XK cá tra trong quý I/2020 đạt **334 triệu USD, giảm sâu 29%** so với cùng kỳ năm ngoái và giảm mạnh ở tất cả các thị trường (giảm 12-57%). Dịch covid lan rộng làm đình trệ hoạt động SX và XNK tại các thị trường, nhu cầu NK giảm, giá XK hạ khiến XK sang Trung Quốc và EU đều giảm sâu 36%, XK sang Mỹ cũng giảm 13%. Mặc dù XK sang ASEAN cũng giảm mạnh 28% nhưng thị trường này đã vượt EU trở thành thị trường NK cá tra lớn thứ 3 của Việt Nam.

Trong tháng 2-3/2020, tình trạng hạn mặn bất thường đã xảy ra ở ĐBSCL khiến cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu bị ảnh hưởng nặng nề. Người nuôi ở một số địa phương đã ngưng thả nuôi do không đủ điều kiện nước, thủy lợi cho việc thả vụ mới. NK cá tra ở thị trường Trung Quốc đang hồi phục từ tháng 3 nhưng giá NK thấp hơn so với trước dịch và so với cùng kỳ, tuy nhiên, nhu cầu tăng trở lại cũng là tín hiệu tốt cho các DN XK cá tra.

Hiện nay, giá tôm, cá tra nguyên liệu đều giảm vì người nuôi sợ rớt giá thu hoạch sớm, một số DN tạm ngừng mua nguyên liệu vì đơn hàng giảm (bị hoãn, hủy, không có đơn hàng mới), kho lạnh để trữ hàng bị đầy và thiếu. Tình trạng này có thể dẫn đến thiếu nguyên liệu vào cuối năm, khi dịch bệnh hết, nhu cầu tăng lại nếu người nuôi đã hạn chế hoặc bỏ ao vì không trụ được ở giai đoạn này.

Tại thị trường trong nước, sau khi có dấu hiệu khôi phục vào tuần đầu tháng thì đến giữa tháng 3/2020, thị trường cá tra nguyên liệu trong nước đã có dấu hiệu chững lại do những diễn biến tác động từ dịch Covid-19. Giá bán buôn cá tra tại ĐBSCL trong tháng dao động trong khoảng 18.000-18.500 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con). Đây là mức giá thấp nhất trong 10 năm qua.

1.3. Hải sản khai thác

Quý I/2020, XK hải sản của cả nước đạt **658,6 triệu USD, giảm 6,6%** so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, XK hầu hết các mặt hàng hải sản đều giảm: cá ngừ giảm 10%, mực, bạch tuộc giảm 24%, XK các loại cá biển khác giảm 0,8%, nhuyễn thể hai mảnh vỏ giảm 4%, tuy nhiên XK cua ghẹ và giáp xác khác lại tăng mạnh 33%.

Dịch covid khiến hoạt động khai thác cũng bị ảnh hưởng, sản lượng và chất lượng thấp, DN khó thu mua nguyên liệu, nhất là nguyên liệu để XK đi EU. Nguồn nguyên liệu NK cũng bị thiếu hụt. Với các DN hải sản khai thác, nguồn nguyên liệu NK bị thiếu khoảng 50%, nhất là nguyên liệu cá ngừ. Nhiều DN vẫn nhận được đơn hàng cá ngừ hộp nhưng không thu mua đủ nguyên liệu cho chế biến XK. Trong thời gian tới, khi dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động SXKX được phục hồi thì nguồn nguyên liệu hiện có cũng chỉ có thể đáp ứng được 50% - 70% nhu cầu sản xuất.

XK cá ngừ sang các thị trường chính như Mỹ, EU, ASEAN, Israel đều giảm trên ở mức 2 con số (giảm 10 - 37%), trong khi XK sang Nhật Bản, Canada và Ai Cập lại có dấu hiệu khả quan, tăng lần lượt 38%, 15% và 53%, nhưng 3 thị trường này chỉ chiếm 11% tổng XK cá ngừ Việt Nam nên chỉ bù đắp được một phần nhỏ sự sụt giảm của các thị trường lớn.

Đối với mực, bạch tuộc, XK sang tất cả các thị trường đều giảm sâu từ 11- 45%, trừ thị trường Israel tăng 283% và Australia tăng 13%. Tuy nhiên, 2 thị trường này chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (hơn 1%) trong tổng XK mực, bạch tuộc của Việt Nam.

II. THỊ TRƯỜNG XK

Dịch covid bùng phát, nhiều nước phong tỏa khiến cho hoạt động thương mại đình trệ, do vậy XK sang các thị trường sụt giảm mạnh. Các thị trường có tỷ lệ khách hàng yêu cầu hoãn giao hàng hoặc hủy đơn hàng tập trung chủ yếu tại Châu Âu, Hàn Quốc và Trung Quốc. Tiêu thụ chậm khiến việc thanh toán cũng bị trì hoãn ảnh hưởng đến việc quay vòng vốn của DN. Vì vậy, XK sang Trung Quốc giảm sâu nhất 27%, sang EU giảm 16%, Hàn Quốc giảm 11% và ASEAN cũng giảm 11%. Trong khi đó, XK sang Nhật Bản và Nhật Bản tăng nhẹ 2% và 1,2%.

1. Nhật Bản

Quý I/2020, Nhật Bản lại vượt Mỹ trở thành thị trường NK thủy sản Việt Nam lớn nhất với kim ngạch NK trên **313 triệu USD, tăng hơn 2%** so với cùng kỳ năm ngoái.

XK sang Nhật Bản tăng chủ yếu cũng nhờ thị trường này đẩy mạnh NK tôm Việt Nam, nhất là trong tháng 2, tăng 63%, dù NK trong tháng 1 và tháng 3 giảm. Kết quả, XK tôm sang Nhật 3 tháng đầu năm tăng trên 8% và tôm cũng chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm thủy sản XK sang thị trường này, chiếm 42%.

XK cá ngừ sang Nhật Bản cũng tăng mạnh (+38%) nhưng cá ngừ chỉ chiếm 2% giá trị XK thủy sản sang thị trường này. XK mực, bạch tuộc giảm sâu 19% và chỉ chiếm trên 9% XK thủy sản sang Nhật.

3 tháng đầu năm nay, Nhật Bản là thị trường NK tôm lớn nhất của Việt Nam, chiếm 21% XK tôm và là thị trường NK mực, bạch tuộc lớn thứ 2, chiếm 27%.

Dịch Covid lan rộng ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch thủy sản của Nhật Bản, vì nhu cầu sụt giảm, nhất là các sản phẩm tươi, sống phục vụ cho phân khúc dịch vụ, nhà hàng, khách sạn do

lượng khách du lịch vắng hẳn. Giá một số loài cá tươi làm sushi như cá ngừ vây xanh giảm 30%, các loại cá khác như cá chẻm, nhím biển cũng giảm. Kinh doanh bán lẻ tại các chợ cá lớn giảm 70 – 80%. Doanh số và giá bán các loại hải sản cao cấp và thực phẩm xa xỉ đều giảm mạnh.

2. Mỹ

XK thủy sản sang Mỹ trong quý I/2020 đạt **287 triệu USD, tăng 1,2%** so với cùng kỳ năm ngoái. XK sang Mỹ vẫn tăng nhẹ 2,1% trong tháng 3 và 1,2% trong quý I/2020 có thể nhờ sản phẩm thủy sản của Việt Nam vẫn giữ được thị phần tại phân khúc bán lẻ và tăng nhờ sản phẩm tôm XK. Nhu cầu tiêu thụ thủy sản của Mỹ nói chung giảm nhưng nhu cầu các sản phẩm tươi, sống, đóng hộp vẫn tăng. Trong tuần đầu tháng 3, doanh số bán lẻ thủy sản đóng hộp tại Mỹ tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi XK cá tra, cá ngừ, mực bạch tuộc sang Mỹ đều giảm (lần lượt giảm 13%, 10% và 19%) thì XK tôm sang thị trường này tăng khả quan trên 18% và tôm chiếm tỷ trọng hơn 40% giá trị thủy sản XK sang Mỹ, trong khi cá tra, cá ngừ chiếm 21,5%, còn lại là mực, bạch tuộc, cá biển và các loại hải sản khác. Mỹ vẫn chiếm tỷ trọng lớn đối với XK các mặt hàng chủ lực của Việt Nam: chiếm 42% XK cá ngừ và là thị trường NK lớn nhất, đối với cá tra và tôm Mỹ đều chiếm 18% tỷ trọng XK và là thị trường lớn thứ 2.

2 tháng đầu năm nay, nhìn chung nhu cầu NK thủy sản của Mỹ từ tất cả các nước vẫn ổn định, tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái, NK tôm của Mỹ tăng 19%, trong khi NK cá ngừ giảm 7%. Hoạt động thương mại bắt đầu xáo trộn từ tháng 3 khi Covid lây lan mạnh trên toàn cầu nhất là nước Mỹ, tuy nhiên, ảnh hưởng sụt giảm có thể bộc lộ rõ vào từ cuối tháng 3 trở đi.

3. EU

XK thủy sản sang thị trường EU -27 trong quý I/2020 **giảm 16,4%** so với cùng kỳ năm 2019 đạt **187 triệu USD**. Từ 31/1/2020 Anh đã chính thức rút khỏi EU do vậy doanh số và tỷ trọng XK sang khối thị trường này không thể như năm trước. EU chỉ còn chiếm 12% tỷ trọng XK thủy sản của Việt Nam, vì riêng Anh đã chiếm 3%.

Sau Trung Quốc, EU là thị trường thứ 2 bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch Covid-19, nhất là tại các thị trường NK lớn trong khối như Italy, Tây Ban Nha và cả Anh...Lệnh phong tỏa tại một số nước như Italy khiến nhu cầu tiêu thụ thủy sản sụt giảm mạnh vì hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn trường học bị đóng lại. Sự đình trệ kinh doanh khiến các nhà phân phối thủy sản phải giảm giá, ảnh hưởng đến giá thủy sản NK. Tương tự thị trường Mỹ, Nhật Bản, nhu cầu các sản phẩm thủy sản cao cấp trong phân khúc dịch vụ nhà hàng, khách sạn giảm thì nhu cầu trong phân khúc bán lẻ có phần ổn định hơn, đặc biệt nhu cầu NK và tiêu thụ các sản phẩm đóng hộp có chiều hướng tăng.

Trong quý I/2020, XK hầu hết sản phẩm thủy sản chủ lực của Việt Nam sang EU đều giảm, trong đó XK cá tra và mực, bạch tuộc đều giảm mạnh 36,5%, XK tôm giảm 4% và XK cá ngừ cũng giảm mạnh 11%. XK tôm cũng chiếm tỷ trọng chi phối trong tổng XK thủy sản sang EU, chiếm trên 47%, cá tra chiếm 19,5%, cá ngừ chiếm 14% và mực, bạch tuộc chiếm 4,7%.

Dù Anh đã ra khỏi khối, nhưng EU-27 vẫn là thị trường đứng thứ 3 về NK thủy sản sau Nhật Bản và Mỹ, tuy nhiên sau dịch corona, XK sang Trung Quốc rất có thể sẽ vượt qua EU. Đã nhiều năm trước EU là thị trường đứng đầu về NK cá tra Việt Nam nhưng đến nay thị trường này chỉ còn chiếm chưa tới 11% XK cá tra, đứng sau cả Trung Quốc, Mỹ và ASEAN. EU cũng là thị trường lớn thứ 4 về NK mực, bạch tuộc của Việt Nam chiếm 8%, sau Hàn Quốc, Nhật Bản và ASEAN. Đối với mặt hàng tôm, EU đứng thứ 3 sau Nhật Bản và Mỹ, chiếm 14% XK, đối với cá ngừ EU là thị trường thứ 2 sau Mỹ, chiếm 18%.

4. Trung Quốc

XK thủy sản sang thị trường Trung Quốc bị ảnh hưởng sâu nhất bởi dịch Covid 19, khiến kết quả 3 tháng đầu năm 2020 giảm mạnh nhất so với các thị trường, với **184 triệu USD, giảm trên 27%**. Trong đó, kết quả XK 2 tháng đầu năm bị sụt giảm mạnh (giảm lần lượt 41% và 49%). Sang tháng 3 dịch Covid tại Trung Quốc lắng xuống, XK sang thị trường này cũng có chiều hướng tốt hơn với mức hồi phục nhẹ 0,9%.

XK tôm và cá tra sang Trung Quốc đều giảm sâu (giảm 27% và 36%) và giảm liên tiếp qua các tháng. Tuy nhiên 2 sản phẩm này vẫn chiếm tỷ trọng chi phối, với 40% và 36% giá trị XK thủy sản sang Trung Quốc.

Do XK cá tra giảm mạnh ở tất cả các thị trường, nên Trung Quốc vẫn giữ vị trí số 1 với gần 19% tỷ trọng, nhưng XK tôm sang nước này đã thấp hơn so với thị trường Hàn Quốc, chỉ còn chiếm 11% tỷ trọng và là thị trường đứng thứ 4.

Dịch bệnh Covid-19 đã làm xáo trộn lớn tới nền kinh tế Trung Quốc. Tiêu thụ thủy sản ở nước này cũng suy giảm đáng kể do người tiêu dùng hạn chế tới các chợ, trung tâm thương mại, nhà hàng... Logistics cũng bị tác động không nhỏ bởi dịch bệnh. Chính vì vậy, đã xảy ra tình trạng ùn tắc tại nhiều cảng biển nước này do chậm giải phóng các kho hàng lạnh. Sự tắc nghẽn ở các cảng Trung Quốc ảnh hưởng lớn tới XK thủy sản của nhiều nước.

Theo phản ánh của một số DN thủy sản, thị trường Trung Quốc đã có nhu cầu NK trở lại nhưng đơn đặt hàng không nhiều, hơn nữa, khách hàng Trung Quốc muốn ép giá mặc dù giá chào bán sản phẩm đã thấp hơn so với trước dịch. Hơn nữa, sau khi dịch Covid bớt căng thẳng tại Trung Quốc, các DN nước này có nhu cầu NK nhưng khó tiếp cận các nguồn tài chính để vay vốn.

Tại thị trường Trung Quốc, nhu cầu NK cá tra phile đông lạnh từ Việt Nam trong tháng 3/2020 tăng 15% nhưng giá trung bình NK lại giảm 21% (từ 2,26 USD xuống 1,77 USD/kg). Tương tự, giá tôm sú đông lạnh XK sang Trung Quốc giảm gần 30% từ 11,67 USD xuống 8,19 USD/kg, dù khối lượng NK tăng 18%.

NK thủy sản từ Việt Nam hồi phục nhẹ trong tháng 3, có thể nhờ gia tăng NK các loài cá biển khác hoặc các sản phẩm có giá phù hợp trong bối cảnh kinh tế và thu nhập người dân suy yếu vì dịch Covid.

5. Hàn Quốc

XK thủy sản sang thị trường Hàn Quốc trong quý I/2020 đạt **154 triệu USD, giảm 11%** so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, XK tôm giảm 10%, XK mực bạch tuộc giảm mạnh 32%. Hai sản phẩm này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng XK thủy sản sang Hàn Quốc (46% và 29%).

XK sang Hàn Quốc cũng tăng mạnh trong tháng 2 (tăng 43%) và giảm trong tháng 1 và tháng 3. Hàn Quốc cũng là một trong những nước bị bùng phát mạnh dịch Covid nhưng so với các thị trường khác, Hàn Quốc có sự kiểm soát khá tốt, do vậy thị trường không bị xáo trộn mạnh như EU, Trung Quốc.

Hàn Quốc đứng đầu về NK mực, bạch tuộc của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 41% và là thị trường NK tôm lớn thứ 4, chiếm trên 11% XK tôm Việt Nam.

III. DỰ BÁO

Diễn biến dịch bệnh Covid còn đang rất phức tạp tại các nước trên thế giới, do vậy, trong vài tháng tới, tình hình XK chắc chắn tiếp tục bị tác động giảm. DN chưa thể thoát khỏi tình trạng

bị sụt giảm, hoãn/hủy đơn hàng, vận tải hàng hóa khó khăn, việc thanh toán cũng không thuận lợi.

Ước tính XK thủy sản trong **tháng 4/2020** sẽ chưa thể hồi phục vì một số thị trường vẫn bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch covid, nhất là thị trường EU. XK sang Trung Quốc cũng chưa thể hồi phục được như trước thời điểm có dịch. Các nước ở tâm điểm dịch có thể sẽ nới lỏng phong tỏa, nhưng việc giao dịch chưa thể thông suốt và hồi phục ngay. Do vậy, dự báo XK tháng 4 vẫn **giảm nhẹ khoảng 3-4%** và tính đến hết tháng 4, dự kiến XK sẽ đạt **khoảng 2,2 tỷ USD, giảm 8%** so với cùng kỳ năm năm 2019.

Ước XK thủy sản tháng 4/2020 (triệu USD)				
Sản phẩm	T4/2020	% tăng, giảm So với T4/2019	T1-4/2020	% tăng, giảm so với cùng kỳ 2019
Tôm	240,034	4	868,590	2.4
trong đó: - Tôm chân trắng	162,875	8	602,392	7.7
- Tôm sú	52,802	-10	177,083	-13.9
Cá tra	121,478	-15	455,539	-25.9
Cá ngừ	54,718	-22	201,189	-13.9
trong đó: - Cá ngừ mã HS 16	24,106	-4	88,573	-5.3
- Cá ngừ mã HS 03	30,612	-32	112,616	-19.6
Cá các loại khác (trừ cá ngừ cá tra)	138,500	7	489,579	1.5
Nhuyễn thể	46,027	-15	173,840	-20.1
trong đó: - Mực, bạch tuộc	38,637	-14	146,078	-22.1
- Nhuyễn thể hai mảnh vỏ	6,753	-5	26,206	-4.0
Cua ghẹ và Giáp xác khác	9,629	40	42,903	34.8
TỔNG CỘNG	610,386	-3.6	2.231,640	-8.1

PHỤ LỤC 2

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT XK CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THỦY SẢN-KHÓ KHĂN & CÁC ĐỀ XUẤT-KIẾN NGHỊ

(kèm công văn số/2020/CV-VASEP ngày 24/4/2020)

(Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến và phản ánh của các DN thủy sản do văn phòng VASEP thực hiện)

1. Tình hình sản xuất và XK

Hiện nay, khi dịch Covid-19 đang diễn ra phức tạp trên diện rộng, hầu hết tất cả các DN đều gặp khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKX thủy sản.

- Đối với các đơn hàng đã ký:

Tỷ lệ các đơn hàng vẫn được giao bình thường theo hợp đồng đã ký **chỉ chiếm 30-50%**. Trong khi đó, tỷ lệ các đơn hàng bị khách yêu cầu tạm hoãn và tỷ lệ các đơn hàng bị khách yêu cầu **dừng hoặc hủy** khá cao (lần lượt 20-40% và 20-30%). Các thị trường có tỷ lệ khách hàng yêu cầu hoãn giao hàng hoặc hủy đơn hàng tập trung chủ yếu tại thị trường Châu Âu, Hàn Quốc và Trung Quốc (từ tháng 3 thì thị trường Trung Quốc bắt đầu có dần các đơn hàng trở lại), các thị trường khác như Nhật Bản, Mỹ, Nga,... cũng có các đơn hàng bị hoãn và hủy nhưng không nhiều như nhóm thị trường kể trên. Đặc biệt tại thị trường Châu Âu phần lớn các đơn hàng tôm bị yêu cầu **hoãn hoặc hủy** đơn hàng, mặt hàng cá tra chịu tác động ít hơn do giá tiêu thụ rẻ hơn và chủ yếu bán cho các hệ thống siêu thị.

Nguyên nhân chính được khách hàng đưa ra là do Chính phủ các nước đóng cửa biên giới vì dịch Covid-19. Khách hàng không bán được hàng nên không nhập hàng tiếp, các cửa hàng dịch vụ thực phẩm (food service) cũng ngừng hoạt động.

Bên cạnh đó, các DN cũng khó khăn không ít trong di chuyển và thực hiện các hoạt động liên quan đến việc XNK hàng hóa.

- Đối với các đơn hàng cho Quý II, III/2020:

Việc ký kết các đơn hàng mới cũng rất khó khăn, đặc biệt tại các nhóm thị trường chính như Mỹ, Nhật, EU,...

Thị trường	Có đơn hàng	Có nhưng không nhiều	Không có đơn hàng
Châu Âu/ Anh		✓	✓
Mỹ		✓	✓
Nhật		✓	✓
Trung Quốc		✓	✓
Hàn Quốc		✓	✓
Châu Á		✓	✓

Rất nhiều DN vừa và nhỏ gần như không có các đơn hàng mới trong QII, III/2020, một số Doanh nghiệp khác có được đơn hàng mới nhưng không nhiều.

- Vấn đề thanh toán:

Vì các nguyên nhân khó khăn trên về XK hàng hóa, và sự tiêu thụ chậm hàng hóa nên các DN đang gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thanh toán từ khách hàng (nhiều khách hàng yêu cầu lùi thời gian thanh toán cả vài tháng). Dẫn đến các DN không xoay vòng được vốn và thanh toán các khoản vay với ngân hàng.

2. Tình hình sản xuất nguyên liệu

- Hiện tình hình ngập mặn tại các tỉnh ĐBSCL đang ảnh hưởng đến việc nuôi trồng nguyên liệu thủy sản cho chế biến và xuất khẩu.

- Giá tôm/ cá tra nguyên liệu đang **giảm mạnh** là do:

- Người nuôi lo sợ giá tiếp tục giảm nên thu hoạch sớm.
- Doanh nghiệp tạm thời ngưng mua nguyên liệu do các đơn hàng bị hoãn, hủy và không có các đơn hàng mới.
- Kho lạnh của doanh nghiệp đã bị đầy vì chứa hàng tồn kho nên không chứa được nguyên liệu.
- Theo ý kiến của một DN tôm, nhiều kho lạnh đã được các DN cá tra thuê để trữ nguyên liệu cá tra, dẫn đến các DN tôm không còn hay thuê được kho lạnh để trữ nguyên liệu tôm buộc các DN tôm tại ĐBSCL đang phải chuyển thuê kho lạnh ở miền Trung để trữ nguyên liệu tôm và hỗ trợ mua tôm nguyên liệu cho người dân.

- Nguồn nguyên liệu NK cũng bị thiếu hụt. Với các DN hải sản khai thác, nguồn nguyên liệu NK bị thiếu khoảng 50%. Với các DN tôm hiện đang ngưng NK tôm do không còn kho lạnh chứa (cả kho của DN và kho thuê) và các đơn hàng bị giảm.

- Trong thời gian tới, khi dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động SXK được phục hồi thì nguồn nguyên liệu hiện có cũng chỉ có thể đáp ứng được 50% - 70% nhu cầu sản xuất.

3. Tình hình vận chuyển hàng hóa:

Hiện các DN thủy sản đang gặp nhiều khó khăn trong việc vận chuyển các container hàng hóa XK-NK vì:

- Nhiều chuyến tàu bị trì hoãn nhiều ngày, thậm chí bị hủy chuyến.

- Các hãng tàu biển cắt giảm các chuyến tàu, thay đổi hành trình và cảng đến làm cho thời gian vận chuyển dài, DN bị phát sinh nhiều chi phí.

- Việc NK và thông quan hàng hóa ở các nước bị ngưng trệ, lệnh phong tỏa ở một số nước làm các cảng biển bị ùn ứ gây thiếu container lạnh.

- Do lệnh phong tỏa của nhiều nước, một số nước không cấp được chứng từ gốc (như H/C gốc, C/O gốc,..) nên nhiều khi các container hàng đã về cảng nhưng DN không đưa được hàng về vì chưa nhận được chứng từ gốc của nhà NK gửi. Quá trình XK hàng sang các nước cũng bị ảnh hưởng tương tự vì nguyên nhân chứng từ gốc đến chậm hơn các conts hàng.

4. Tình hình tài chính của DN:

Hầu hết các DN thủy sản ở cả 3 nhóm hàng (tôm, cá tra, hải sản khai thác) đều gặp khó khăn trong vấn đề tài chính vì:

- DN thu hồi tiền hàng từ khách hàng chậm và rất chậm. Doanh thu XK giảm mạnh. Vì vậy, DN không xoay vòng được vốn, không có tiền trả các khoản vay ngân hàng.

- Lãi suất vay cao. Mặc dù đến nay, đã có 1 số Ngân hàng thương mại giảm lãi suất cho vay (theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Quyết định 420/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước) nhưng việc thực hiện chưa đồng đều tại các ngân hàng thương mại và tại các địa phương. Mức giảm lãi suất chỉ áp dụng đối với các khoản vay mới, các khoản vay cũ không được áp dụng.

- DN bị **“gánh”** nhiều loại chi phí: phí chuyển tiền trong và ngoài nước, phí xử lý bộ chứng từ, phí báo Có tiền về, phí điều vốn, phí L/C, phí chiết khấu, phí quản lý tài khoản, phí

nhắn tin, phí hồ sơ xuất khẩu, phí giao dịch, phí điện, phí gửi hồ sơ, phí báo có ... tại Ngân hàng.

- DN bị phát sinh nhiều khoản chi phí mới do tình hình vận chuyển hàng hóa như nêu tại mục (3) trên: Chi phí thay đổi hành trình của tàu, thay đổi cảng đến, chi phí lưu cont tại cảng,... Chi phí mua trang thiết bị y tế để phòng tránh dịch Covid-19 (*khẩu trang y tế, nhiệt kế, dung dịch sát khuẩn,...*)

- Các chi phí đầu vào tăng cao đáng kể: như điện, nước, nguyên vật liệu, tiền lương công nhân.... Mặc dù tình hình DN ký kết được rất ít đơn hàng, hoạt động sản xuất gần như cầm chừng nhưng DN vẫn cố gắng giữ lại lực lượng lao động nhằm hỗ trợ cho người lao động ổn định đời sống.

5. Các biện pháp của DN.

a. Giải pháp đối với người lao động

- Một số DN vẫn giữ nguyên lực lượng công nhân và phân chia lịch làm việc cho phù hợp với điều kiện sản xuất và điều chỉnh mức lương phù hợp.

- Một số DN cho một số công nhân tạm nghỉ việc nhưng có trợ cấp lương trong thời gian nghỉ tạm thời.

b. Các biện pháp tại nhà máy, DN để phòng tránh & hạn chế dịch Covid-19

- Ban hành văn bản tuyên truyền và quy định các biện pháp phòng chống dịch.

- Kiểm tra thân nhiệt của 100% CB, CNV và khách đến làm việc ngay từ cổng nhà máy.

- Yêu cầu 100% CB.CNV và khách phải đeo khẩu trang và sát khuẩn tay bằng cồn khi vào công ty;

- Trang bị cồn sát khuẩn, xà phòng rửa tay cho từng bộ phận, phân xưởng;

- Liên tục điều tra, giám sát, theo dõi sức khỏe người lao động đang làm việc và lao động mới xin việc. Bộ phận Tổ chức hành chính lập danh sách theo dõi tình hình sức khỏe CB.CNV hàng ngày.

- Hạn chế việc đi lại, di chuyển của CB.CNV nếu không cần thiết. Tránh tập trung nơi đông người.

- Giảm các lịch tiếp khách đến làm việc tại công ty. Trường hợp có khách, DN bố trí phòng tiếp khách riêng và kiểm tra y tế đầy đủ đối với khách và yêu cầu đeo khẩu trang.

- CB.CNV khi có hiện tượng ho, sốt thì phải đến Trung tâm y tế gần nhất để khám và xét nghiệm.

- Yêu cầu tất cả CBCVN chủ động thực hiện các biện pháp tự phòng, chống dịch bệnh tại gia đình; tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về phát ngôn và cung cấp thông tin; không lan truyền thông tin không rõ nguồn gốc hoặc chưa được cơ quan chức năng kiểm chứng.

-----o0o-----

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID – 19 (khảo sát đến 10/4/2020) (kèm công văn số/2020/CV-VASEP ngày 24/4/2020)

I. Về lĩnh vực Lao động – Việc làm:

1. Chính sách cho phép DN được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất trong 12 tháng do 50% số lao động thuộc diện đóng BHXH của DN phải nghỉ việc hoặc thiệt hại 50% tổng số giá trị tài sản do dịch bệnh (theo công văn 860/BHXH –BT ngày 17/3/2020 của BHXH Việt Nam):

- Tính đến nay, hầu hết các DN phản hồi đều không được thực hiện. Lý do:

- Trong điều kiện khó khăn, không ổn định và doanh thu không có vì hiện tại các đơn hàng XK đều bị hoãn và hủy, các Doanh nghiệp vẫn cố gắng duy trì hoạt động sản xuất cầm chừng và phân chia lịch làm việc của công nhân cho phù hợp để ổn định đời sống người lao động (như trong CV 33 của Hiệp hội đã báo cáo). Như vậy, DN không thể đạt được tiêu chí “50% số lao động thuộc diện đóng BHXH của DN phải nghỉ việc hoặc thiệt hại 50% tổng số giá trị tài sản do dịch bệnh” để DN được hưởng chính sách về BHXH theo công văn 860/BHXH-BT.
- Theo đánh giá và ý kiến của DN, nếu DN có 50% số lao động thuộc diện đóng BHXH của DN phải nghỉ việc hoặc thiệt hại 50% tổng số giá trị tài sản do dịch bệnh thì DN gần như đã “chết lâm sàng”. Với nguy cơ này thì gần như DN sẽ cạn kiệt phá sản và không thể có thể vực lại được sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát. Như vậy, DN không thể xoay sở nguồn vốn để đóng các khoản phí.
- Việc DN chứng minh thiệt hại 50% vô cùng phức tạp vì chưa có 1 tiêu chí hay thước đo cụ thể, hơn nữa dấu hiệu thiệt hại đều ở tương lai (vì hàng tồn kho, hợp đồng, doanh thu, tạm ngưng ... đều là dấu hiệu suy giảm trong tương lai). Việc chứng minh thiệt hại có thể kéo dài hàng năm.

=> Như vậy, có thể thấy tiêu chí trong CV 860/BHXH-BT của BHXH Việt Nam để cho phép DN được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất trong 12 tháng là không có tính thực tiễn, khó khả thi áp dụng trong thực tế và cuối cùng là mất đi tính hỗ trợ như mục tiêu mong muốn.

2. Chính sách cho phép DN lùi thời điểm đóng kinh phí Công đoàn 06 tháng đầu năm 2020 đối với các DN có 50% số lao động thuộc diện đóng BHXH của DN phải nghỉ việc (theo công văn 245/TLĐ ngày 25/3/2020 của Bộ LĐTBXH).

Chính sách này, các DN cũng không được thực hiện. Vì các lý do phân tích như ở mục 1 ở trên.

II. Về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng:

1. Chính sách cho phép DN được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 (theo công văn 117/NHNN-TD ngày 24/2/2020 và Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

- Hiện, một số DN có được hỗ trợ theo chính sách này. Tuy nhiên, việc thực hiện chưa thực sự đồng đều tại các địa phương và các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Một số ngân hàng đã

hạ lãi suất vay cho DN (như Vietcombank), nhưng một số ngân hàng vẫn chưa thực hiện vì còn đang chờ chỉ đạo chính từ Hội sở của Ngân hàng (như BIDV, Vietinbank).

- Chính sách này chỉ đang áp dụng đối với khoản vay tiền VNĐ mà không áp dụng cho các khoản vay bằng USD. Trong khi đối với các DN XK thì nhu cầu vay vốn bằng tiền USD rất nhiều, nhưng chưa có chính sách hỗ trợ.

- Với 1 số DN khi trước đó đã gặp khó khăn về vốn và chậm khả năng thanh toán các khoản vay với ngân hàng nên đã bị cho vào nhóm nợ 2 (nợ bị quá hạn thanh toán trước 30 ngày), khi đó DN sẽ không được áp dụng các chính sách về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ bị ảnh hưởng do dịch Covid-19.

2. Chính sách miễn giảm phí thanh toán của các tổ chức tín dụng (theo Chỉ thị 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

- Một số tổ chức tín dụng, ngân hàng đã giảm phí thanh toán đối với các khoản thanh toán nước ngoài.

- Các khoản thanh toán, chuyển tiền trong nước chưa được giảm cho DN. Mức phí vẫn là 0.033-0.044%/lần chuyển ngoài hệ thống ngân hàng. Doanh nghiệp rất mong các tổ chức tín dụng, ngân hàng hỗ trợ giảm phí chuyển tiền trong nước theo tinh thần tại Chỉ thị 02 của Ngân hàng Nhà nước.

- Các DN thuộc nhóm nợ 2 cũng không được áp dụng các chính sách về miễn giảm thanh toán.

3. Chính sách giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kể từ ngày 17/3/2020 (theo Quyết định 420/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Một số tổ chức tín dụng, ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ cho DN (như Vietinbank, Agribank (lãi suất 5,5% - kỳ hạn 5 tháng), BIDV (lãi suất 5,5% - kỳ hạn 6 tháng), Techcombank.

- Với các DN sản xuất xuất khẩu, ngoài nguồn vốn bằng VNĐ, DN cũng rất cần nguồn vốn bằng USD. Vì vậy, kiến nghị Ngân hàng Nhà nước sớm bổ sung thêm chính sách giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng USD của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- DN thuộc nhóm nợ 2 không được áp dụng các chính sách giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ.

4. Về gói hỗ trợ tín dụng 250.000 tỷ đồng được các ngân hàng cho khách hàng vay mới từ tháng 3/2020 với lãi suất ưu đãi giảm từ 0,5% - 1,5%/năm (theo Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

- Một số tổ chức tín dụng, ngân hàng đã sớm triển khai gói hỗ trợ này cho DN được vay với lãi suất ưu đãi (như Vietcombank (vay VNĐ với lãi suất 3,6%/năm – kỳ hạn 06 tháng, vay bằng USD với lãi suất 2,7%/năm - kỳ hạn: 4 tháng); Agribank (mức lãi suất vay 4,5%/năm – kỳ hạn 5 tháng)

- Vẫn còn một số tổ chức tín dụng, ngân hàng vẫn đang để lãi suất cho vay cao: như BIDV 3.4%/năm- kỳ hạn: 3,5 tháng; Vietinbank 3.2%/năm - kỳ hạn: 3 tháng.

- DN thuộc nhóm nợ 2 không được áp dụng các chính sách vay mới theo gói hỗ trợ tín dụng này.

- Gói hỗ trợ tín dụng này chỉ áp dụng đối với tiền VNĐ, không áp dụng cho tiền USD nên giảm sự tiếp cận của DN.

- Một số ngân hàng vẫn bắt DN bổ sung tài sản đảm bảo, DN khó đáp ứng được điều kiện trong giai đoạn này để có thể vay được.

III. Về lĩnh vực Thuế - Phí:

Chính sách gia hạn nộp thuế, miễn tiền chậm nộp cho người nộp thuế bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (theo Công văn số 897/TCT-QLN của Tổng cục Thuế ngày 3/3/2020)

- Đến 10/4/2020, các DN chưa được thực hiện chính sách này. Vì:

- Một số DN đã tiến hành nộp thuế đầy đủ trước khi có Công văn 897.
- Một số DN không phát sinh nộp thuế trong giai đoạn này.

IV. Về lĩnh vực Thanh kiểm tra - Xử phạt hành chính:

1. Về chính sách không thanh tra chuyên ngành về BHXH, hoặc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN đối với các DN bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nếu doanh nghiệp không có dấu hiệu vi phạm (theo công văn 860/BHXH –BT ngày 17/3/2020 của BHXH Việt Nam):

Từ ngày 17/3/2020 đến nay, các DN không bị thanh tra chuyên ngành về BHXH, hoặc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN

2. Về chính sách chỉ xử phạt vi phạm hành chính DN nợ BHXH từ 31/12/2019 trở về trước (theo công văn 970/LDTBXH-TTr ngày 17/3/2020 của Bộ LDTBXH)

- Từ ngày 17/3/2020 đến nay, các DN không bị xử phạt vi phạm hành chính DN nợ BHXH từ 31/12/2019 trở về trước

3. Về chủ trương cơ quan thuế, cơ quan hải quan không tổ chức kiểm tra định kỳ trong năm 2020 đối với DN không có dấu hiệu vi phạm (theo Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

- Từ ngày 04/3/2020 đến nay, nhiều DN không bị kiểm tra từ cơ quan thuế, cơ quan hải quan.

- Chỉ có 1 số DN vẫn bị kiểm tra sau hoàn thuế, thanh tra chấp hành pháp luật thuế trong tháng 2-tháng 3 (như Cục Thuế Bình Thuận, Cục Thuế Bạc Liêu có kiểm tra tại DN theo kế hoạch kiểm tra của Cục Thuế năm 2020).

4. Về chủ trương Thanh tra Chính phủ, thanh tra các Bộ, Ngành, địa phương không thanh tra, kiểm tra quá 1 lần/năm và không thanh tra ngoài kế hoạch, trừ trường hợp đặc biệt được giao (theo Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

- Từ ngày 04/3/2020 đến nay, hầu hết DN không bị kiểm tra từ Thanh tra Chính phủ, thanh tra các Bộ, Ngành, địa phương. Tuy nhiên, cũng có DN bị kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH (như tại tỉnh Bạc Liêu)

PHỤ LỤC 4.

CÁC ĐỀ XUẤT-KIẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ NGÀNH NHẪM THÁO GỖ KHÓ KHĂN, THỨC ĐẨY SXXX, ỨNG PHÓ VỚI DỊCH COVID 19

(kèm công văn số/2020/CV-VASEP ngày 24/4/2020)

Diễn biến dịch bệnh Covid còn đang rất phức tạp tại các nước trên thế giới. Do vậy, trong vài tháng tới, tình hình XK chắc chắn tiếp tục bị tác động giảm. DN chưa thể thoát khỏi tình trạng bị sụt giảm, hoãn/hủy đơn hàng, vận tải hàng hóa khó khăn, việc thanh toán cũng không thuận lợi, sẽ có không ít DN (nhất là những DN nhỏ) khó trụ vững vì thiếu vốn để duy trì, để quay vòng kinh doanh.

Trước mắt, để hỗ trợ DN giảm bớt áp lực và khó khăn do ảnh hưởng của Covid-19, tạo điều kiện phục hồi SXXX, ứng phó với dịch Covid-19, các DN thủy sản đề xuất-kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành một số nội dung sau:

1. Chính phủ, Bộ Lao động TBXH, Bộ Tài chính và Tổng liên đoàn LĐ Việt Nam:

+ Chính phủ đề nghị Tổng LĐLĐ miễn nộp kinh phí Công đoàn (2% quỹ lương) trong năm 2020, và tạm dừng việc đóng BHXH đến cuối năm 2020, không tính lãi nộp chậm.

+ Xem xét dùng tiền kết dư của Quỹ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp hỗ trợ 50% tiền lương ngừng việc cho người lao động, 50% còn lại DN tự lo, dùng quỹ này cho DN vay không lấy lãi để chi trả cho các chi phí cho NLĐ.

+ Chính phủ đề nghị Quốc hội thông qua việc giảm tỷ lệ đóng của người sử dụng LĐ và NLĐ vào quỹ BHNT từ 1% xuống 0,5%.

+ Về lương của NLĐ: Đề nghị QH và Chính phủ cho phép các DN được lựa chọn 1 trong 2 giải pháp:

- NLĐ chấp nhận mức lương thấp hơn mức lương tối thiểu vùng (LTTV), theo mức do 2 bên thỏa thuận, có thể thấp hơn mức LTTV.

- Đề nghị cho phép áp dụng ngay điều 99 của Bộ Luật LĐ 2019: trong trường hợp ngừng việc do dịch bệnh, thì 14 ngày đầu tiên không thấp hơn mức LTTV, từ ngày 15 trở đi theo mức lương do 2 bên thỏa thuận.

+ Cho phép DN tạm dừng đóng quỹ hưu trí tử tuất theo số nhân viên bị ngừng việc thực tế (không giới hạn 50%).

2. Ngân hàng nhà nước (các tổ chức tín dụng, ngân hàng):

+ Các tổ chức tín dụng, ngân hàng thực hiện đồng nhất các chính sách mà Ngân hàng nhà nước đã ban hành:

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ bị ảnh hưởng do dịch Covid-19.
- Giảm các mức phí thanh toán, phí chuyển tiền ngoài hệ thống.
- Đẩy nhanh cho các DN vay trong gói hỗ trợ tín dụng 250.000 tỷ đồng của Ngân hàng Nhà nước.

+ Triển khai các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn này đối với tất cả các DN, **không phân biệt** nhóm nợ, loại hình của DN.

+ Trong trường hợp DN bị cách ly hoàn toàn, đề nghị các khoản nợ tại ngân hàng của DN trong thời gian cách ly không bị tính lãi vay và không tính thời gian vào thời hạn cho vay.

+ Ban hành bổ sung các chính sách hỗ trợ đối với **đồng USD** cho các DN xuất nhập khẩu tương tự như các chính sách hỗ trợ bằng VNĐ.

+ Kho lạnh trữ hàng là một mắt xích quan trọng và có tính chiến lược đối với các chuỗi sản xuất tiêu thụ nông-thủy sản. Hiện đang thiếu kho lạnh trầm trọng khiến các DN không thể thu mua được hơn nguồn nguyên liệu tôm-cá mà bà con nông-ngư dân sản xuất ra, cũng như khó có thể tạo ra được nguồn hàng lớn chủ động khi thế giới có nhu cầu lớn trở lại. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước có chính sách: Hỗ trợ lãi suất 0% trong 2 năm đầu và giảm lãi suất 50% trong 4 năm tiếp theo đối với các khoản cho vay dài hạn để đầu tư xây dựng kho lạnh trữ hàng lớn với các kho lạnh có công suất tối thiểu là 5.000 pallet trở lên.

3. Các Bộ Ngành khác:

+ **Chính phủ và các Bộ (NNPTNT, Lao động TBXH, Tài nguyên Môi trường, Tài chính):** Tiếp tục chỉ đạo việc giảm tần suất và số lượng các cuộc thanh tra - kiểm tra thường xuyên và đột xuất nhằm giảm áp lực về thời gian và nhân lực cho các DN thủy sản.

+ **Chính phủ và Bộ Tài chính:** Xem xét giảm 50% thuế TNDN năm 2020, cho phép chậm nộp thuế 2019 đến hết năm 2020 và không tính lãi chậm nộp. Hoãn thuế VAT cho các DN trong năm 2020 và không tính lãi nộp chậm.

+ **Bộ Công Thương:** Xem xét giảm giá điện cho các nhà máy sản xuất, kho lạnh trữ hàng và cho phép gia hạn thời gian thanh toán tiền điện. Cùng Bộ GTVT giảm giá điện cho các container lạnh tại cảng vì hàng bị tồn ứ tại cảng vì dịch Covid-19

+ **Bộ GTVT:** Tạm ngưng thu phí BOT đến hết 2020 để giảm chi phí vận chuyển; giảm giá các chi phí dịch vụ tại các cảng container.

+ **Bộ KHCN:** Trình Chính phủ sửa đổi Nghị định 74/2018/NĐ-CP theo đó, bãi bỏ nội dung quy định việc sử dụng mã số mã vạch nước ngoài tại khoản 9 Điều 1 ND74/2018.

+ **Bộ Tài Nguyên và Môi trường:**

- Gia hạn thêm thời hạn hoàn thành phù hợp đối với các DN thủy sản nói chung về việc (1) xây dựng hệ thống quan trắc nước ngầm tự động hoàn thành trước 31 tháng 12 năm 2019 theo Nghị định số 47/2017/TT-BTNMT Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; (2) Hệ thống quan trắc nước thải tự động có quy mô xả thải từ 500m³/ ngày trở lên, xây dựng công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải là hồ sự cố, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14001 phải hoàn thành trước 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019.

- Sửa đổi QCVN 40:2015 về chỉ tiêu phospho trong nước thải chế biến thủy sản sau xử lý từ 20ppm lên 50 ppm

+ **Bộ NN&PTNT:** Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đáp ứng cho SXK của các DN sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, kiến nghị Chính phủ và Bộ NN&PTNT có *i)* kế hoạch và quy hoạch về vùng nuôi nguyên liệu tôm, cá tra; *ii)* hỗ trợ cho người nuôi để khuyến khích người nuôi tiếp tục thả giống mới trong thời gian này; *iii)* sửa đổi và cải cách các quy định kiểm soát NK hàng thủy sản cho mục đích SXK và gia công XK, và *iv)* ban hành văn bản qui phạm pháp luật thành phẩm hàng thủy sản là hàng chế biến để ngành tài chính có cơ sở xác định khi áp thuế TNDN phù hợp.

-----oOo-----